

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tp Hà Nội - Tháng 03 năm 2013

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 23 tháng 10 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty :

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 vốn điều lệ của Công ty là : 17.579.520.000 đồng với tổng số cổ phần là 1.757.952 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP. Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 9.275.400.000đ (927.540CP) bằng 52,76% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác: 8.304.120.000đ (830.412CP) bằng 47,24% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 21A - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 hoạt động chính của Công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và lần 8 ngày 23 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là;

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể

chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ngày 25/2/2013, Công ty đã gửi Báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán số 63/GCN-UBCK ngày 24/12/2012. Theo đó, Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất đã thực hiện chào bán thành công 1.230.566 cổ phiếu (chiếm 100% tổng số cổ phần được phép chào bán) tương ứng với số tiền là 12.305.660.000 đồng để tăng vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hiền Ngang

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ủy viên

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Ban Giám đốc	Ông Phan Hoài Thanh	Ủy viên
	Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
	Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc
	Ông Phan Hoài Thanh	Phó Giám đốc
	Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Lê Văn Lượng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2012)
	Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Trụ sở chính của Công ty tại số : 21A - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội.

Thông tin Công ty Con và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty con

Tên	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Gia công cơ khí gồm: Khung nhà tiền chế, vì kèo các loại dùng trong ngành xây dựng...
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	55,33%
<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>	55,33%

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất	Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi	Số 61 - Trương Định, Phường Trần phú, thành phố Quảng Ngãi
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ	Đường Nguyễn Tất thành, phường Tân dân, TP Việt Trì
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng	Số 1/70 Văn Cao, P.Bạch đằng quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội	Đường Phương Canh, xã Xuân Phương- Từ Liêm, thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng năm 2012 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục kiểm toán cho các năm tiếp theo.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Để phù hợp với việc hợp nhất Báo cáo Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Công ty đã thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Theo đó một số số liệu so sánh trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho luồng tiền từ hoạt động kinh doanh đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

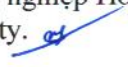
Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

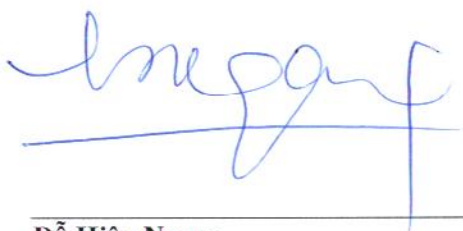
Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng

Cam kết khác:

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Phê duyệt các Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty. 



Đỗ Hiên Ngang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

Số: 015/2013/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Kính gửi:**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 lập ngày 06 tháng 3 năm 2013 được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Quốc Hùng**
Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0295/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Bùi Thị Tĩnh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1027/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.694.043.667	79.982.879.103
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	42.505.427.755	11.827.404.087
1. Tiền	111		27.505.427.755	8.650.289.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	3.177.114.168
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.956.490.824	36.558.533.173
1. Phải thu khách hàng	131		31.588.875.571	27.137.494.914
2. Trả trước cho người bán	132		1.721.090.700	9.608.288.184
3. Các khoản phải thu khác	135	4	1.053.313.470	671.359.075
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.406.788.917)	(858.609.000)
III- Hàng tồn kho	140	5	22.095.104.419	28.165.950.245
1. Hàng tồn kho	141		22.095.104.419	28.165.950.245
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.137.020.669	3.430.991.598
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		726.499.559	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu	154		1.000.000	4.365.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.409.521.110	3.426.626.598
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.085.796.187	16.933.659.720
I- Tài sản cố định	220		9.830.759.640	13.420.197.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	7.178.321.306	11.661.734.643
- Nguyên giá	222		17.581.707.799	20.595.037.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.403.386.493)	(8.933.302.504)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	2.652.438.334	764.833.334
- Nguyên giá	228		2.811.650.000	829.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.211.666)	(64.166.666)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	-	993.629.091
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	9.938.000.000	234.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.300.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.638.000.000	234.000.000
III- Tài sản dài hạn khác	260		2.317.036.547	3.279.462.652
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.501.419.771	2.699.018.750
2. Tài sản dài hạn khác	268		815.616.776	580.443.902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.779.839.854	96.916.538.823

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		92.282.354.660	69.757.423.601
I- Nợ ngắn hạn	310		91.712.485.815	69.747.110.628
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	3.709.890.000	16.358.811.472
2. Phải trả người bán	312		6.859.029.017	9.871.118.801
3. Người mua trả tiền trước	313		58.473.890.742	30.885.959.832
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	7.029.465.906	1.892.745.136
5. Phải trả người lao động	315		786.698.054	1.453.305.817
6. Chi phí phải trả	316	13	14.046.178.151	8.499.085.045
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	14	2.042.156.519	1.795.508.437
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(1.234.822.574)	(1.009.423.912)
II- Nợ dài hạn	330		569.868.845	10.312.973
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	10.312.973
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		569.868.845	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.497.485.194	27.159.115.222
I- Vốn chủ sở hữu	410	15	30.990.971.317	27.238.081.345
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.579.520.000	17.579.520.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(2.010.779)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.857.499.948	5.057.829.101
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		879.485.488	736.156.144
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.674.465.881	3.866.586.879
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		506.513.877	(78.966.123)
1. Nguồn kinh phí	432	16	506.513.877	(78.966.123)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.779.839.854	96.916.538.823

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Ngoại tệ các loại (USD)	005		290,61	15.384,17



Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Đinh Đức Bộ

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	161.162.184.103	82.235.318.032
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	161.162.184.103	82.235.318.032
4. Giá vốn hàng bán	11	19	131.469.997.418	67.578.051.057
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.692.186.685	14.657.266.975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.194.281.762	969.958.959
7. Chi phí tài chính	22	21	2.841.180.773	2.928.551.491
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.839.169.994	2.928.551.491
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.144.806.492	10.423.035.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.900.481.182	2.275.639.375
11. Thu nhập khác	31		1.164.908.329	1.564.422.319
12. Chi phí khác	32		1.137.444.280	17.945.856
13. Lợi nhuận khác	40		27.464.049	1.546.476.463
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.927.945.231	3.822.115.838
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	2.253.479.350	955.528.959
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.674.465.881	2.866.586.879



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.927.945.231	3.822.115.838
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.825.375.587	1.552.480.766
- Các khoản dự phòng	03	548.179.917	30.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.192.270.983)	(969.958.959)
- Chi phí lãi vay	06	2.839.169.994	2.928.551.491
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.948.399.746	7.363.189.136
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.347.833.361	18.124.440.185
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.070.845.827	(21.367.974.573)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	34.465.098.019	1.875.266.779
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.197.598.979	(2.314.673.098)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.012.141.512)	(2.650.176.754)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.371.753.320)	(1.063.686.871)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.977.875.325	15.377.908.566
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(18.343.670.254)	(26.738.561.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.280.086.170	(11.394.268.478)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(3.244.840.186)	(715.795.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22	5.000.000	55.494.163
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	3.677.114.168	2.867.315.604
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.404.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	1.194.281.762	969.958.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(272.444.256)	3.176.973.305
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.834.880.041	22.228.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54.527.670.287)	(16.822.148.528)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.636.828.000)	(2.636.928.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.329.618.246)	2.768.923.472
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	30.678.023.668	(5.448.371.701)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.827.404.087	17.275.775.788
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	42.505.427.755	11.827.404.087



Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Đinh Đức Bộ

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006 và , đăng ký thay đổi lần 8 ngày 23 tháng 10 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 vốn điều lệ của Công ty là : 17.579.520.000 đồng với tổng số cổ phần là 1.757.952 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP .Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 9.275.400.000đ (927.540CP) bằng 52,76% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác : 8.304.120.000đ (830.412CP) bằng 47,24% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 hoạt động chính của Công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Trụ sở chính của Công ty tại số : 21A - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và lần 8 ngày 23 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là;

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và

điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thăm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:

Thời gian (năm)

Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 28
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy vi tính	03 – 05
Quyền sử dụng đất	20 – 50

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Thực tế, Trong năm đơn vị đã trích trước vào chi phí phải trả là giá vốn các công trình đã ghi nhận doanh thu nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính chưa quyết toán được với nhà cung cấp. Ban Giám đốc nhận định việc trình bày vào khoản mục này sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính và sẽ cung cấp đến người sử dụng báo cáo thông tin đầy đủ và rõ ràng hơn là trình bày vào khoản mục phải trả, phải nộp khác.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo sau:

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, có biên bản nghiệm thu, bảng thanh toán khối lượng được chủ đầu tư xác nhận, bảng tổng hợp kinh phí hoàn thành, phiếu giá thanh toán (nếu có) và bản thanh lý hợp đồng mà không phụ thuộc vào thu tiền.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các Công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 Ban hành và công bố theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Lãi cơ bản trên cổ phiếu quy định "Trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng riêng và Báo cáo tài chính riêng hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính riêng hợp nhất" nên Công ty sẽ trình bày khoản lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	952.782.390	618.965.920
Tiền gửi ngân hàng	26.552.645.365	8.031.323.999
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	3.177.114.168
Cộng	42.505.427.755	11.827.404.087

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	1.053.313.470	671.359.075
Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	664.649.558	312.826.497
Phải thu bên LD tiền phạt	22.411.050	
Phải thu BHXH	131.423.223	
Khác	234.829.639	358.532.578
Cộng	1.053.313.470	671.359.075

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.095.104.419	28.165.950.245
Cộng giá gốc hàng tồn kho	22.095.104.419	28.165.950.245
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	22.095.104.419	28.165.950.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MÀU B 09-DN

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	11.448.990.516	3.947.307.159	3.734.720.512	1.464.018.960	20.595.037.147
<i>Tăng trong năm</i>	<i>1.789.645.455</i>	<i>284.227.273</i>	<i>990.910.909</i>	<i>297.560.059</i>	<i>3.362.343.696</i>
Mua trong năm	-	284.227.273	990.910.909	297.560.059	1.572.698.241
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.789.645.455	-	-	-	1.789.645.455
<i>Giảm trong năm</i>	<i>5.741.699.096</i>	<i>430.505.550</i>	-	<i>203.468.398</i>	<i>6.375.673.044</i>
Thanh lý, nhượng bán	-	56.778.200	-	203.468.398	260.246.598
Giảm khác (góp vốn)	5.741.699.096	373.727.350	-	-	6.115.426.446
Số dư tại 31/12/2012	7.496.936.875	3.801.028.882	4.725.631.421	1.558.110.621	17.581.707.799
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	4.387.011.464	1.717.781.233	2.046.578.735	781.931.072	8.933.302.504
<i>Tăng trong năm</i>	<i>360.497.408</i>	<i>640.260.671</i>	<i>342.726.861</i>	<i>386.845.647</i>	<i>1.730.330.587</i>
Khấu hao trong năm	360.497.408	640.260.671	342.726.861	386.845.647	1.730.330.587
<i>Giảm trong năm</i>	<i>-</i>	<i>56.778.200</i>	<i>-</i>	<i>203.468.398</i>	<i>260.246.598</i>
Thanh lý, nhượng bán	-	56.778.200	-	203.468.398	260.246.598
Số dư tại 31/12/2012	4.747.508.872	2.301.263.704	2.389.305.596	965.308.321	10.403.386.493
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	7.061.979.052	2.229.525.926	1.688.141.777	682.087.888	11.661.734.643
Tại 31/12/2012	2.749.428.003	1.499.765.178	2.336.325.825	592.802.300	7.178.321.306

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.343.811.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	719.000.000	110.000.000	829.000.000
Tăng trong năm	-	1.982.650.000	1.982.650.000
Mua trong năm		1.982.650.000	1.982.650.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	719.000.000	2.092.650.000	2.811.650.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012		64.166.666	64.166.666
Tăng trong năm		95.045.000	95.045.000
Khấu hao trong năm		95.045.000	95.045.000
Giảm trong năm		-	-
Số dư tại 31/12/2012		159.211.666	159.211.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012		45.833.334	764.833.334
Tại 31/12/2012		1.933.438.334	2.652.438.334

(*) TSCĐ vô hình khác là Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 và hệ thống phần mềm thiết kế PDMS.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
Nội dung	VND	VND
Nâng cấp nhà văn phòng làm việc		993.629.091
Cộng	-	993.629.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011			01/01/2011	
	% vốn điều lệ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con					
- Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	55,33%	830.000	8.300.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác					
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	6,50%	163.800	1.638.000.000	23.400	234.000.000
Tổng		993.800	9.938.000.000	23.400	234.000.000

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.501.419.771	2.699.018.750
Lợi thế thương mại		1.080.208.554
Chi phí trả trước dài hạn khác		865.510.652
Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng		
Chi phí Sửa chữa TSCĐ	120.742.728	
Chi phí thuê nhà năm 2013	72.000.000	
Chi phí GPMB	1.043.287.820	
Cộng	1.501.419.771	2.699.018.750

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	3.709.890.000	16.358.811.472
Vay cán bộ công nhân viên (a)	3.709.890.000	14.228.000.000
Ngân hàng Vietinbank CN Đồng Đa		2.130.811.472
Cộng	3.709.890.000	16.358.811.472

(*) Vay ngắn hạn bao gồm:

+ Vay cán bộ công nhân viên các chi nhánh: 3.709.890.000 đồng. Lãi suất thả nổi theo bình quân liên ngân hàng, kỳ hạn từ 6-12 tháng, vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.258.541.148	1.177.666.844
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.593.537.205	711.811.175
Thuế thu nhập cá nhân	177.387.553	3.267.117
Cộng	7.029.465.906	1.892.745.136

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	14.046.178.151	8.499.085.045
Trích trước các chi phí các công trình	13.926.229.470	8.220.710.301
Trích trước tiền thuê nhà CN Tp HCM	14.545.455	
Chi phí lãi vay phải trả	105.403.226	278.374.744
Cộng	14.046.178.151	8.499.085.045

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	659.458.555	447.045.349
Bảo hiểm xã hội	74.477.373	8.755.449
Bảo hiểm thất nghiệp	125.876.721	89.717.044
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.182.343.870	1.249.990.595
Phải trả khoản vay cá nhân tại CNHCM		600.000.000
Công ty cổ phần Tuấn Lâm	548.999.550	548.999.550
Phạt vi phạm hợp đồng, tiền phạt HC thuế	413.676.052	
Khác	219.668.268	100.991.045
Cộng	2.042.156.519	1.795.508.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2011	17.579.520.000	(6.693.275)	3.382.012.184	476.347.619	-	6.196.170.491	27.627.357.019
Tăng trong năm	-	6.693.275	1.675.816.917	259.808.525	104.000.000	2.866.586.879	4.912.905.596
Tăng vốn năm trước			1.675.816.917	259.808.525	104.000.000	2.866.586.879	2.039.625.442
Lãi năm trước							2.866.586.879
Tăng khác		6.693.275				-	6.693.275
Giảm nguồn vốn	-	2.010.779	-	-	104.000.000	5.196.170.491	5.302.181.270
Giảm vốn năm trước						2.559.242.491	2.559.242.491
Phân phối lợi nhuận						2.636.928.000	2.636.928.000
Giảm khác		2.010.779			104.000.000		106.010.779
Số dư tại 31/12/2011	17.579.520.000	(2.010.779)	5.057.829.101	736.156.144	-	3.866.586.879	27.238.081.345
Số dư tại 01/01/2012	17.579.520.000	(2.010.779)	5.057.829.101	736.156.144	-	3.866.586.879	27.238.081.345
Tăng trong năm	-	-	799.670.847	143.329.344	-	6.674.465.881	7.617.466.072
Phân phối lợi nhuận năm nay			799.670.847	143.329.344			943.000.191
Lãi năm nay							6.674.465.881
Giảm trong năm	-	(2.010.779)	-	-		3.866.586.879	3.864.576.100
Cổ tức						2.636.928.000	2.636.928.000
Phân phối lợi nhuận năm nay						1.229.658.879	(2.010.779)
Giảm khác		(2.010.779)					
Số dư tại 31/12/2012	17.579.520.000	-	5.857.499.948	879.485.488	-	6.674.465.881	30.990.971.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn HC Việt Nam	9.275.400.000	9.275.400.000
Vốn góp của đối tượng khác	8.304.120.000	8.304.120.000
Cộng	17.579.520.000	17.579.520.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	17.579.520.000	17.579.520.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	17.579.520.000	17.579.520.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.636.828.000	2.636.928.000

d. Cổ tức

Dại hội cổ đông thường niên ngày 08/04/2012 đã quyết định chia cổ tức năm 2011 là 15% trên vốn điều lệ và Công ty đã thực hiện chi trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trong năm.

e. Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.757.952	1.757.952
Cổ phiếu phổ thông	1.757.952	1.757.952
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

f. Các quỹ của doanh nghiệp.

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	5.857.499.948	5.057.829.101
Quỹ dự phòng tài chính	879.485.488	736.156.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

16. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	(78.966.123)	2.266.120.000
Chi sự nghiệp		2.851.600.000
Điều chỉnh nguồn	585.480.000	
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>506.513.877</u>	<u>(78.966.123)</u>

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.379.112.160	24.864.864.803
Doanh thu hợp đồng xây dựng	102.783.071.943	57.370.453.229
Cộng	<u>161.162.184.103</u>	<u>82.235.318.032</u>

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần	161.162.184.103	82.235.318.032
Cộng	<u>161.162.184.103</u>	<u>82.235.318.032</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng đã bán	131.469.997.418	67.578.051.057
Cộng	<u>131.469.997.418</u>	<u>67.578.051.057</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.194.281.762	969.958.959
Cộng	<u>1.194.281.762</u>	<u>969.958.959</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	2.839.169.994	2.928.551.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.010.779	-
Cộng	2.841.180.773	2.928.551.491

22. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.253.479.350	955.528.959
Cộng	2.253.479.350	955.528.959

CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.927.945.231	3.822.115.838
+ Các khoản điều chỉnh tăng	488.007.150	-
- Điều chỉnh theo BB Thuế	488.007.150	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	402.034.982	-
- Điều chỉnh theo BB Thuế	27.600.274	-
- Điều chỉnh theo BB KTNN	374.434.708	-
Tổng thu nhập chịu thuế	9.013.917.399	3.822.115.838
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.253.479.350	955.528.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.253.479.350	955.528.960

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.876.968.819	47.256.119.191
Chi phí nhân công	33.734.349.393	15.582.236.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.825.375.587	1.552.480.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.528.997.601	6.094.055.488
Chi phí khác bằng tiền	9.614.260.630	7.488.290.040
Cộng	150.579.952.030	77.973.181.856

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24.1 Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Ngày 25/2/2013, Công ty đã gửi Báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán số 63/GCN-UBCK ngày 24/12/2012. Theo đó, Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất đã thực hiện chào bán thành công 1.230.566 cổ phiếu (chiếm 100% tổng số cổ phần được phép chào bán) tương ứng với số tiền là 12.305.660.000 đồng để tăng vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

24.2 Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch bán

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2012
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ	Doanh thu	7.577.444.806
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	6.832.363.636
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	1.930.374.545
Công ty Cổ phần công nghiệp hóa chất Tây Ninh	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	215.933.944
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	1.226.808.181
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	2.414.534.546
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	40.170.296.149
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	189.818.182
Ban quản lý dự án DAP Hải Phòng	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	12.065.247
Công ty Cổ phần Supe PP và HC Lâm Thao	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	15.132.698.616
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	1.235.798.182
Công ty Cổ phần Pin - Ấc quy Miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	429.454.545
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	3.647.009.999
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	296.040.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản Miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	136.363.636
Công ty Cổ phần công nghiệp Cao su Miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	3.957.885.818
Công ty TNHH MTV Phân đạm và hóa chất Hà Bắc	Cùng thuộc Tập đoàn	Doanh thu	3.198.972.728

Số dư với các bên liên quan

Công nợ phải thu

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	31/12/2012
Tập đoàn HC Việt Nam	Công ty Mẹ	Ứng trước	535.000.000
		Phải thu	1.134.907.840
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	16.960.000
Công ty CP CN HC Tây Ninh	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	136.709.902
Công ty CP HC Việt Trì	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	
		Phải thu	527.273.546
Công ty CP Xà phòng Hà Nội	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	260.700.000
Công ty CP DAP số 2	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	35.016.880.352
		Phải thu	
Công ty TNHH Hơi kỹ nghệ Que Hàn	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	133.100.000
Ban quản lý dự án DAP Hải Phòng	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	32.830.000
		Phải thu	967.586.741
Công ty CP Supe PP và HC Lâm Thao	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	123.651.000
		Phải thu	17.316.334.971
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	277.500.000
		Phải thu	1.558.353.000
Công ty CP CN HC & Vi Sinh	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	72.600.000
Công ty CP Bột giặt Lix	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	253.700.000
Công ty CP Phân bón Bình Điền	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	142.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Công nợ phải thu

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	31/12/2012
Công ty TNHH MTV HC cơ bản Miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	49.500.000
Công ty CP CN Cao su Miền Nam	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	1.263.570.000
Công ty TNHH MTV Phân đạm và HC Hà Bắc	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	13.410.631.690
		Phải thu	1.394.796.155
Công ty TNHH MTV DAP - Vinachem	Cùng thuộc Tập đoàn	Ứng trước	823.500.000
		Phải thu	85.190.812
Công ty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải thu	89.700.000
Công nợ phải trả			
Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng mỏ	Cùng thuộc Tập đoàn	Phải trả	904.914.213

24.3 Thông tin khác

Trong năm, Công ty đang tạm trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ 6% lợi nhuận trước thuế theo Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị II.12 số 281/NQ-CTTK ngày 29/12/2012 và sẽ xin ý kiến cổ đông trong phiên họp Đại hội đồng Cổ đông sắp tới.

24.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán. Một số chỉ tiêu kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này và để phù hợp với việc hợp nhất Báo cáo Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Công ty đã thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Theo đó một số số liệu so sánh trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp của kỳ trước cho luồng tiền từ hoạt động kinh doanh đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này.



Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2013

Đinh Đức Bộ

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn

Người lập biểu